

Số: 756 /BVTT-KD

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu số 1: Hóa chất bổ sung lần 3 năm 2023

Dự án: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư y tế bổ sung năm 2023 theo hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng (trong nước)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tuệ Tĩnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 1: “Hóa chất bổ sung lần 3 năm 2023” thuộc Dự án: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư y tế bổ sung năm 2023 theo hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng (trong nước) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tuệ Tĩnh.
Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS. Nguyễn Thị Tuyết - Khoa Dược, Bệnh viện Tuệ Tĩnh (SĐT: 0904583435)
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Nghiệp vụ Dược Tầng 1 Khoa Dược, Bệnh viện Tuệ Tĩnh. Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h00' ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến trước 10h00' ngày 23 tháng 10 năm 2023.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Hồ sơ báo giá gồm:

- Mẫu báo giá (chi tiết như Phụ lục 2 đính kèm)
- Thông tin nhà thầu

Lưu ý: Quy cách đóng gói trong bảng danh mục các mặt hàng chào giá chỉ mang tính chất tham khảo. Trong trường hợp có sai khác, các đơn vị viết rõ quy cách đóng gói của đơn vị mình trong báo giá gửi cho Bệnh viện.


- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá (chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh
- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 24-120 giờ kể từ khi nhận được thông báo nhu cầu sử dụng
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng.



5. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm chi phí bàn giao, hướng dẫn sử dụng, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành;
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Xin trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Lê Mạnh Cường



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 1: HÓA CHẤT BỔ SUNG LẦN 3 NĂM 2023

DỰ ÁN: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ BỔ SUNG NĂM 2023 CỦA BỆNH VIỆN TUỆ TỈNH

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
Phần 1- Hóa chất dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480					
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x200mL+1x5mL	Hộp	15
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerid mẫu huyết thanh, huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x50mL+1x5mL	Hộp	15
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người. Thành phần thuốc thử: Hỗn dịch hạt latex, kháng thể kháng HbA1C người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x50mL+1x10mL	Hộp	30
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 2x50mL+2x50mL+1x5mL	Hộp	25
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x500mL+1x5mL	Hộp	12
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x40mL+4x10mL+1x5mL	Hộp	18
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người. Thành phần thuốc thử: hạt latex được phủ kháng thể kháng CRP người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x40mL+1x10mL	Hộp	20
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase-MB (CK-MB)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinin Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x40mL+1x10mL	Hộp	8



L

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
9	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40
10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40
11	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử: CK-MB (người) với nồng độ phù hợp để hiệu chuẩn xét nghiệm đo nồng độ CK-MB; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối đa 1ml	ml	6
12	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người, dạng bột đông khô, có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình kiểm chứng; dùng được trên máy sinh hóa AU480	Hộp tối đa 1ml	ml	6
13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (γ -GT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (γ -GT) mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x60ml+4x15ml	Hộp	6
14	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric acid	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric acid mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x200 ml + 1x5ml	Hộp	6

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
15	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử: 3,5 - dichlorophenyl diazonium; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 5x40ml + 5x10ml	Hộp	8
16	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử: 3.5 dichlorophenyl diazonium; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 5x40ml + 5x10ml	Hộp	8
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -Amylase-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -Amylase-Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Lọ tối đa 25 ml	ml	200
18	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin mẫu huyết thanh, huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x250ml+1x5ml	Hộp	12
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL Direct mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x60mL+1x20mL	Hộp	6
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL Direct mẫu huyết thanh, huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x60mL+1x20mL	Hộp	8
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase (CK)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase (CK) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x40 ml + 4x10ml	Hộp	8
22	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các nồng độ thành phần phù hợp để hiệu chuẩn; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factors (RF)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factors (RF) mẫu huyết thanh người. Thành phần thuốc thử: hạt latex được phủ globulin miễn dịch người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1x40ml+1x10ml	Hộp	15
24	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng RHEUMATOID FACTORS (RF)	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng RHEUMATOID FACTORS (RF) dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối đa 3mL	ml	12
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 1 x 250ml + 1 x 5ml	Hộp	6
26	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT(AST)	Hóa chất xét nghiệm GOT (AST), sử dụng cho máy hệ mở; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x100mLR1,1x100mLR2	hộp	12
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT(ALT)	Hóa chất xét nghiệm GPT (ALT), sử dụng cho máy hệ mở; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 4x100mLR1,1x100mLR2	hộp	12
28	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người dạng đông khô có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện chương trình kiểm chứng; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 3x1mL	Hộp	12
29	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2. Thành phần thuốc thử: huyết thanh người dạng đông khô có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện chương trình kiểm chứng; dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Hộp tối thiểu 3x1mL	Hộp	12
30	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
31	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40
32	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 dùng được trên máy phân tích sinh hóa AU480	Lọ tối đa 5ml	ml	40
Phần 2 - Hóa chất dùng được trên máy miễn dịch Access 2					
1	Giếng phản ứng dùng cho máy phân tích miễn dịch	Giếng phản ứng dùng cho máy phân tích miễn dịch; dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 16x98cái (1568 cái)	cái	47040
2	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch rửa dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 4x1950mL (7800ml)	ml	312000
3	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 4x130mL (Hộp 520ml)	ml	13000
4	Dung dịch pha loãng mẫu	Dung dịch pha loãng mẫu dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 1x4mL (4ml)	ml	16
5	Hóa chất định lượng CEA	Hóa chất định lượng CEA dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 2x50test (100 test)	test	500
6	Hóa chất định lượng AFP	Hóa chất định lượng AFP dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 2x50test (100 test)	test	500
7	Hóa chất định lượng TSH	Hóa chất định lượng TSH dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 2x100test (200 test)	test	3400
8	Hóa chất định lượng T3	Hóa chất định lượng T3 dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 2x50test (100 test)	test	3000
9	Hóa chất định lượng T4	Hóa chất định lượng T4 tự do dùng được trên máy miễn dịch Access 2	Hộp tối đa 2x50test (100 test)	test	3000
Phần 3 - Hóa chất dùng được trên máy phân tích sinh hóa Biolyser 600					
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600; Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1%	Hộp tối thiểu R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Hộp	3

HL

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8,73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312,5 mmol/L - Disodium phosphate: 12,5 mmol/L Chất chuẩn: 1x5ml - Creatinine: 2 mg/dL (177 μ mol/L)	Hộp tối thiểu R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml	Hộp	6
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600; Hóa chất 1: R1.-Sulfanilic acid: 29 mmol/L.Cetrimide: 29 mmol/L. Hóa chất 2: R2-Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp tối thiểu R1: 2x100ml + R2: 1x50ml	Hộp	6
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600; Thành phần gồm: Hóa chất: R -Tris buffer, pH 7.60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: \geq 8100 U/L -GIDH: \geq 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1,3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	Hộp tối thiểu R1: 4x50mL + R2: 2x26mL + Std: 1x5mL	Hộp	6

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-NAC	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600;</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất: Reagent 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 6.10 - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2.5 mmol/L - Hexokinase: ≥ 6800U/L - Sodium azide: $< 0.1\%$ <p>Hóa chất: Reagent 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 8.9 - Creatine phosphate: 250 mmol/L - ADP : 15.2 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L - Sodium azide: $< 0.1\%$ <p>Cũng chứa các muối magie, N-Acetyl-L-Cysteine, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu</p>	Hộp tối thiểu R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	3
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB dùng được trên máy sinh hóa Biolyser 600;</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 6.1 - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2,5 mmol/L - Hexokinase : ≥ 6800 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ <p>Nồng độ kháng thể Anti-CK-M có trong R1 đủ để ức chế 2000 U/L CK-M ở 37°C</p> <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 8,9 - Creatinine phosphate: 250 mmol/L - ADP: 15,2 mmol/L - Diadenosine pentaphosphate: 103 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ <p>Cũng chứa các muối magie, N-acetyl-L-cystein, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu</p>	Hộp tối thiểu R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	4

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
7	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB	Hoá chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB dùng được trên máy phân tích sinh hóa Biolyser 600 ; * Thành phần: Sản phẩm đông khô được chuẩn bị từ huyết thanh người và CK-MB người Sodium azide: <0.1%	Hộp tối thiểu 4x3ml	Hộp	3

Phần 4: Hóa chất dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX - KX21

1	Dung dịch ly giải hồng cầu	Dung dịch ly giải hồng cầu giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX-KX21. Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8.5g/L và sodium chloride 0.6g/l	Lọ ≤500ml	ml	20000
2	Dung dịch dùng để pha loãng dùng được trên máy phân tích huyết học	Dung dịch dùng để pha loãng dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX - KX21. Thành phần: Sodium Chlorride 6.38g/l, boric acid 1g/l, sodium tetraborate 0.2g/l, EDTA - 2K 0.2g/l	thùng ≤20 Lít	Lít	700
3	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học, dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX - KX21, thành phần: Sodium hypochlorite 5%	Hộp ≤50ml	ml	300
4	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học mức cao	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX-KX21. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định.	Lọ ≤1,5ml	ml	9
5	Vật liệu kiểm soát mức trung bình xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học mức trung bình	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học dùng được trên máy phân tích huyết học SYSMEX-KX21. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định.	Lọ ≤1,5ml	ml	9
6	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học mức thấp	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học dùng được trên máy SYSMEX-KX21. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định.	Lọ ≤1,5ml	ml	9

Phần 5: Hóa chất dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng được sử dụng để đếm và định cỡ tế bào. Dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus	thùng tối đa 20 lít	lít	1500
2	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	Là dung dịch ly giải không chứa xyanua được sử dụng để xác định định lượng huyết sắc tố cũng như đếm và định cỡ bạch cầu. Dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus	thùng tối đa 5 lít	lít	200
3	Dung dịch để đếm và định cỡ tế bào	Được sử dụng để xác định định lượng huyết sắc tố cũng như để đếm và định cỡ bạch cầu. Dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus	thùng tối đa 1 lít	lít	20
4	Chất thử chuẩn đoán dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là máu chuẩn được chuẩn bị từ máu người ổn định để có thể thực hiện các phép đo lặp lại hàng ngày, theo dõi độ ổn định trên hệ thống. Dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus	Bộ tối thiểu 3 x 3 ml/bộ	Bộ	6
5	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là dung dịch để bảo trì và vệ sinh máy phân tích huyết học. Dùng được trên máy phân tích huyết học Quintus	Bình tối thiểu 500ml	binh	6

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là tên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hóa chất	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Mã HS ⁽⁴⁾	Đơn vị tính	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)	Giá kê khai
1	Hóa chất A														
2	Hóa chất B														
n	...														

(Ghi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày ... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.